

BẢN ÁN SỐ: 42 /2017/ HS-ST

NGÀY: 10/11/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Chung.

2. Ông Phạm Xuân Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện VKSND huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Toàn
– Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 10/11/2017 tại Nhà văn hóa thôn C, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HS-ST ngày 24/10/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-HS ngày 26/10/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc B**, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn C, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12; Bố: Trần Quang K, sinh năm 1972; Mẹ đẻ: Thân Thị T, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bản thân là con thứ nhất; Vợ: Tăng Thị V, sinh năm 1997. Có 01 con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017, tạm giam từ ngày 18/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - (Có mặt tại phiên tòa).

+ Người bị hại:

1. Anh Trần Đình Đ, sinh năm 1993 - (Có mặt).

Chỗ ở: Thôn S, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vi Văn T, sinh năm 1975 - (Có mặt).

Chỗ ở: Thôn Đ, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Như Đ, sinh năm 1973 - (Vắng mặt).

Chỗ ở: thôn C, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Người làm chứng:

Anh Nghiêm Xuân L, sinh năm 1987 - (Vắng mặt).

Chỗ ở: thôn P, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Trần Quốc B bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

- Khoảng 10 giờ ngày 02/7/2017, anh Trần Đình Đ, sinh năm 1993 ở thôn S, xã Tiên Thắng, huyện Yên Thế đi ăn cỗ tại xã P, huyện Yên Thế thì gặp Trần Quốc B, sinh năm 1993 ở thôn C, xã An Thượng, huyện Yên Thế là bạn đồng ngũ. Buổi chiều cùng ngày, Đ mời B về nhà chơi và B đã ở lại ăn cơm tối cùng gia đình Đ. Sau khi ăn cơm xong, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, do không có phương tiện đi về nên B đã hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 39xx cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H của anh Đ và hẹn đến sáng hôm sau sẽ trả thì anh Đ đồng ý. Sau khi mượn xe mô tô của anh Đ thì B đi xe mô tô lên thị trấn C, huyện Yên Thế để đi chơi. Trên đường đi từ nhà anh Đ đến đoạn đường thuộc thôn C, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế thì B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đã mượn của anh Đ. Sau đó B mang chiếc xe mô tô đó đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Nghiêm Xuân L, sinh năm 1987 ở thôn P, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang mục đích để bán nhưng anh L không có nhà nên B đã đi xe đến nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 ở thôn H, xã An Thượng, huyện Yên Thế và ngủ tại đó. Sáng ngày 03/7/2017, B tiếp tục mang chiếc xe mô tô mượn của anh Đ đến cửa hàng của anh Nghiêm Xuân L mục đích để bán lấy tiền ăn tiêu. Khi gặp anh L, B đặt vấn đề bán chiếc xe mô tô, anh L có hỏi là xe của ai, B nói dối là xe của B mua ở Bắc Ninh, anh L xem xe và giấy tờ xong thì đồng ý mua với giá là 5.100.000 đồng. B có ký vào bên người bán trong “giấy biên nhận bán xe máy” theo mẫu in sẵn do anh L đưa cho. Sau khi viết xong giấy mua bán xe, anh L thấy chiếc xe đã cũ nên anh L không mua nữa, anh L đã điện thoại cho anh Vi Văn T, sinh năm 1975 ở thôn Đ, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũng làm nghề mua bán xe máy cũ đến xem và anh T đồng ý mua chiếc xe mô tô đó với giá 5.100.000 đồng. Đến ngày 16/8/2017, B bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế bắt khẩn cấp.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 3978, đăng ký mang tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 ở Phòng 24-A1, Tập thể Học viện KTQS, phường N, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị H xác định chưa từng sở hữu chiếc xe mô tô trên. Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 1380/KL-PC54 ngày 08/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Dây số máy HC09E-0059210, dây số khung RLHHCY059184 trên xe mô

tô nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 39XX gửi giám định ***không bị hàn ghép, đóng đục lại***. Tại Bản kết luận giám định số 1509/KL-PC54 ngày 09/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0297683 mang tên chủ xe Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 29P4-39XX gửi giám định ***là thật***. Kết quả tra cứu xác định trước đó chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P4 - 39XX không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng theo lưu trữ tại Cục Cảnh sát truy nã tội phạm - Bộ Công an.

Bản kết luận giám định số 1381/KL-PC54 ngày 07/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết mang tên Trần Quốc B trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Trần Quốc B ***là do cùng một người ký, viết ra***.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 25/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: 01 mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α màu xanh, BKS 29P4 - 39XX có giá trị là 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 42/KSĐT- KT ngày 24/10/2017 của VKSND huyện Yên Thế truy tố bị cáo Trần Quốc B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Yên Thế vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS: Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo tù 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quốc B phải bồi hoàn trả cho anh Vi Văn T số tiền 5.100.000đ; Buộc anh Vi Văn T phải hoàn trả cho anh Nguyễn Như Đ số tiền 6.200.000đ; Về vật chứng: Trả lại cho anh Trần Đình Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 3978 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia 110i vỏ màu trắng xanh, song tạm giữ để đảm B thi hành án. Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về án phí của vụ án.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện VKS và không có ý kiến gì khác.

Người bị hại anh Trần Đình Đ đề nghị được trả lại chiếc xe máy để lấy phương tiện đi làm, về hình phạt đề nghị HĐXX xử lý nghiêm đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn T tại phiên tòa nhất trí thỏa thuận chỉ yêu cầu bị cáo Trần Quốc B phải trả lại số tiền 5.100.000 đồng là tiền B bán xe máy cho anh và nhất trí hoàn trả cho anh Nguyễn Như Đ số tiền đã bán xe máy cho anh Đ là 6.200.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, ý kiến của bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa hôm nay Trần Quốc B đã thừa nhận: Khoảng 21 giờ ngày 02/7/2017, tại nhà anh Trần Đình Đ ở thôn S, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; Do tin tưởng Trần Quốc B nên anh Trần Đình Đ đã cho B mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 39xx kèm theo đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H. Sau khi mượn được xe mô tô của anh Đ, B đã bán xe mô tô cho anh Vi Văn T được số tiền 5.100.000 đồng. Trị giá chiếc xe mô tô mà Trần Quốc B đã chiếm đoạt là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại cùng tang vật chứng đã thu hồi, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhân chứng trong vụ án và phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm. Trần Quốc B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, B đã lợi dụng sự quen biết và lòng tin của anh Trần Đình Đ để mượn được xe mô tô của anh Đ sau đó không mang trả mà đã đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Trần Quốc B đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS. Bản cáo trạng số 41/KSĐT ngày 23/10/2017 của VKSND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trần Quốc B phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm b Khoản 1 Điều 140 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quốc B là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết tin tưởng của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi đó của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật B vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng: Ngoài các tình tiết đã định khung hình phạt đối với bị cáo thì bị cáo không còn tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, bản thân bị cáo đã từng có thời gian tham gia trong quân đội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và trước phiên tòa hôm nay khai

báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy cần áp dụng điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện. Áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 140 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước. Xong xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo vẫn đang sống chung cùng với bố mẹ, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định nên HĐXX xem xét miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện.

Đối với anh Vi Văn T là người đã mua chiếc xe mô tô của Trần Quốc B tại cửa hàng của anh Nghiêm Xuân L, anh Nguyễn Như Đ đã mua lại chiếc xe mô tô của anh T. Anh T, anh L và anh Đ đều không biết đó là xe do B chiếm đoạt của anh Trần Đình Đ mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đối với anh T, sau khi mua được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P4 - 39xx, ngày 07/7/2017, anh T đã bán chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Như Đ, sinh năm 1973 ở C, xã Minh Đức, huyện Việt Yên với giá 6.200.000 đồng. Ngày 13/7/2017, anh Đ đã giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P4 - 39xx cùng giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra. Tại phiên tòa hôm nay anh Vi Văn T chỉ yêu cầu bị cáo Trần Quốc B phải trả lại số tiền 5.100.000 đồng, bị cáo B nhất trí. Do vậy buộc B phải bồi hoàn cho anh T số tiền 5.100.000đ.

Anh Nguyễn Như Đ yêu cầu anh T trả lại số tiền 6.200.000 đồng đã mua chiếc xe mô tô 29P4-39xx. Tại phiên tòa anh T đồng ý với yêu cầu của anh Đ đồng ý trả anh Đ số tiền 6.2000.000đ cần chấp nhận.

*** Về vật chứng của vụ án:** Anh Trần Đình Đ đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P4 - 3978 kèm theo đăng ký, ngoài ra anh Đ không có đề nghị bị cáo phải bồi thường gì khác. Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô để lấy phương tiện đi lại. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i, vỏ màu trắng xanh, số imei 353190/02/210665/4 là tài sản cá nhân của B không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 76 Bộ luật TT Hình sự trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động trên, song xét cần tạm giữ để đảm B cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Nguyễn Như Đ vắng mặt. Tuy nhiên đã được Tòa án tiến hành tổng Đ giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi của anh Đ đã được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc B 01 (Một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/8/2017.

2/- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Khoản 2 Điều 579 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Quốc B phải bồi hoàn cho Anh Vi Văn T số tiền 5.100.000đ (Năm triệu, một trăm ngàn đồng).

- Anh Vi Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Như Đ số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm ngàn đồng).

3/ **Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho anh Trần Đình Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α, màu xanh, biển kiểm soát 29P4 - 39xx và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H.

Trả lại cho bị cáo Trần Quốc B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i, vỏ màu trắng xanh, số imei 353190/02/210665/4, song tạm giữ để đảm B cho việc thi hành án.

4/- **Án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 99, Điều 231, Điều 234 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Quốc B phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 255.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vi Văn T phải chịu 310.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không chấp hành án hoặc chấp hành

không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh.*
- *VKSND huyện.*
- *Công an huyện.*
- *Chi cục THA huyện.*
- *Bị cáo.*
- *Bị hại.*
- *Lưu.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ HẰNG